

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HN-ST

Ngày: 27-3-2025

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hồng

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST - HNGĐ, ngày 18/02/2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trường D, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Trường D.

Lý do ly hôn: Cả hai quen biết mới tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam. Trong

quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, có 01 con chung. Nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, do khi mới cưới nhau, anh D còn có lo làm cũng có đưa tiền nhưng ban đêm vẫn tham gia cờ bạc (qua mạng). Anh D nghe lời mẹ của anh cho rằng chị có quen người khác rồi uống rượu về đánh chị. Khi chị xin về nhà mẹ thì anh D đập xe, xé áo khoác của chị không cho chị đi. Vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 - 04 năm nay, anh D có qua lại nhưng chị không muốn quan hệ vợ chồng vì chị không còn tình cảm. Mấy năm nay chị phải tự đi làm để kiếm tiền lo cho con. Nay chị suy nghĩ rất kỹ, thấy rằng không còn tình cảm với anh D nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường P, sinh ngày 17/8/2019 đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Trường D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Trường D trình bày trong quá trình tố tụng:

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Lý do: Anh còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn. Do khi cưới nhau vợ chồng còn trẻ, anh là con một nên cũng còn ham chơi nhưng anh vẫn đi làm đem tiền về đưa hết cho vợ. Trong thời gian anh đi nghĩa vụ quân sự thì anh nghe tin người ta nói lại là vợ anh có quen với người khác. Có một lần mẹ anh gọi điện gọi anh về vì nói rằng vợ anh bỏ đi, anh có cảm, do nóng giận nên anh có đánh vợ anh 01 cái và có đập xe để cản không cho vợ đi. Ngày sau anh có dắt đi sửa.

Vợ dẫn con về bên mẹ sống cho đến nay 03 – 04 năm. Anh có qua nhà vợ để hàn gắn tình cảm nhưng vợ anh không cho anh gần gũi. Anh cũng có cho tiền chút ít để vợ anh nuôi con vì thời gian đầu vợ bỏ đi anh có thiếu nợ rồi phải làm để trả nợ nên không có tiền. Hiện nay anh làm công ty dưa, cuối tuần cũng có nhậu do buồn chuyện vợ chồng, vợ lạnh nhạt với anh, không cho gần gũi. Anh cứ nghĩ do vợ anh như vậy chắc còn giận nên cũng nản, rồi không có đơn đốc trong việc hàn gắn vợ chồng. Nay vợ anh làm đơn ly hôn anh bất ngờ và mong muốn hàn gắn.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường P, sinh ngày 17/8/2019, hiện đang ở với chị H nhưng cuối tuần hay khi nào anh nhớ thì vẫn rước con về. Nếu ly hôn thì để con cho anh nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Có vàng cưới nhưng anh không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H; Về con chung: Nguyễn Trường P, sinh ngày 17/8/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi con và ghi nhận không yêu

cầu anh Nguyễn Trường D cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Không yêu cầu, không giải quyết; Về nợ chung: Không có không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn, anh Nguyễn Trường D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Trường D vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, thấy rằng:

Quá trình tố tụng, chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Anh D không đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh D và chị H có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị H về sống chung với gia đình anh D và có 01 con chung. Quá trình sinh sống tại địa phương không thấy tranh cãi hay mâu thuẫn nghiêm trọng gì để cho địa phương, hàng xóm biết. Còn mâu thuẫn gì giữa vợ chồng dẫn đến ly hôn thì địa phương không biết cũng không có hoà giải hay giải quyết mâu thuẫn do không có trình báo.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung cũng như vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Khi chị H dẫn con về bên gia đình chị sống một thời gian khá dài, anh D có tới lui thăm con nhưng vợ chồng không có sự gần gũi, không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn mà đề mặc cho mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng, nay chị H xác định không còn tình cảm với anh D và kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm, anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thuyết phục được chị H đoàn tụ. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Trường P, sinh ngày 17/8/2019. Khi ly hôn, chị H và anh D đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng từ khi sinh ra con đã sống chung với chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, con gần gũi và cần mẹ chăm sóc hơn nên để chị H trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H và anh D không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị H và anh D trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Trường D.

2. Về con chung: Nguyễn Trường P, sinh ngày 17/8/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu anh Nguyễn Trường D cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Trường D không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Trường D trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008443 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng